

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM HƯỚNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

● **VŨ THỊ NHÀI**

Học viện Chính sách và Phát triển
Email: vunhai.mpi@apd.edu.vn

TÓM TẮT:

Chính sách an sinh xã hội luôn được Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm, lấy đó là kim chỉ nam cho việc thực hiện công bằng xã hội và ổn định kinh tế, chính trị. Thời gian qua, tuy đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận về hệ thống an sinh xã hội, chất lượng dịch vụ xã hội và chính sách đối với người có công, tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu Việt Nam hướng tới sự phát triển bền vững, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách an sinh xã hội, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng và phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

Từ khóa: chính sách, an sinh xã hội, phát triển bền vững.

1. Đặt vấn đề

An sinh xã hội là một hệ thống chính sách và giải pháp nhằm bảo vệ mức sống tối thiểu của người dân trước những rủi ro và tác động bất thường về kinh tế, xã hội và môi trường, là chính sách không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Mục tiêu của chính sách an sinh xã hội là bảo đảm đời sống an toàn, ổn định cho mọi người dân; hỗ trợ, bảo vệ các nhóm yếu thế; giảm thiểu rủi ro, bất bình đẳng xã hội; góp phần duy trì an ninh xã hội, ổn định chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững của đất nước.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã khẳng định các quyền về an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, bao gồm quyền được học tập, quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, quyền làm việc, có nơi ở hợp pháp... là các quyền cơ bản của con người. Trong bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều biến đổi sâu sắc dưới tác động của chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, già hóa dân số, biến đổi khí hậu và rủi ro an

ninh phi truyền thống, yêu cầu hoàn thiện chính sách xã hội tại Việt Nam đặt ra ngày càng cấp thiết, không chỉ nhằm bảo đảm an sinh tối thiểu, mà còn hướng tới nâng cao phúc lợi toàn dân và quản lý phát triển xã hội bền vững.

2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách an sinh xã hội

Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách an sinh xã hội được hình thành và không ngừng hoàn thiện qua các kỳ Đại hội Đảng và hệ thống văn kiện. Theo tinh thần văn kiện các kỳ đại hội, chính sách an sinh xã hội vừa là chính sách hỗ trợ mang tính nhân đạo, vừa là quyền cơ bản của công dân, là trụ cột bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội và ổn định chính trị - xã hội lâu dài. Trong thực hiện chính sách an sinh xã hội, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm và sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng và người dân.

Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 10/6/2012 của Hội nghị Trung ương 5 khóa XI “Về một số vấn đề về

chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020” đã đặt nền tảng cho cách tiếp cận tổng thể, yêu cầu kết hợp hài hòa giữa chính sách an sinh xã hội với các chính sách xã hội khác nhằm thúc đẩy tiến bộ xã hội. Tiếp đó, Nghị quyết Đại hội XIII đã xác định mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2045 trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao, qua đó đặt ra yêu cầu tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách an sinh xã hội và quản lý phát triển xã hội theo hướng toàn diện, hiệu quả và bền vững. Trên cơ sở đó, Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 "Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách an sinh xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới" đã khẳng định rõ định hướng xây dựng hệ thống chính sách an sinh xã hội tiến bộ, công bằng, được đổi mới đồng bộ cả về nội dung và phương thức tổ chức thực hiện, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Xuyên suốt chủ trương của Đảng và Nhà nước, chính sách an sinh xã hội phải hướng tới toàn dân, bảo đảm tính toàn diện, công bằng, hiện đại, bao trùm và bền vững. Điều đó đòi hỏi tập trung xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đa tầng; mở rộng và nâng cao hiệu quả trợ giúp xã hội đối với nhóm dễ bị tổn thương; đồng thời, không ngừng nâng cao chất lượng các dịch vụ công thiết yếu, như y tế, giáo dục, nhà ở và môi trường sống. Cụ thể hóa định hướng này, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/ TW đã được ban hành, xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu trọng tâm trong phát triển chính sách xã hội và an sinh xã hội, làm cơ sở cho tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống chính trị. Quan điểm trên đã hình thành định hướng xuyên suốt: Nhà nước giữ vai trò kiến tạo và điều tiết trung tâm trong chính sách an sinh xã hội, đồng thời huy động sự tham gia của thị trường, tổ chức xã hội và người dân, bảo đảm mọi người đều được thụ hưởng thành quả phát triển, qua đó tạo nền tảng xã hội vững chắc cho mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước.

3. Kết quả trong việc thực thi chính sách an sinh xã hội tại Việt Nam

Từ khi Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới đất nước năm 1986, chính sách an sinh xã hội đã đạt được những thành tựu khá toàn diện, có ý nghĩa chiến lược,

trở thành trụ cột quan trọng bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân và củng cố nền tảng phát triển bền vững của đất nước.

- Hệ thống an sinh xã hội góp phần ổn định xã hội, nâng cao đời sống người dân

Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế được triển khai đồng bộ, đạt nhiều kết quả quan trọng, khẳng định vai trò trụ cột của hệ thống an sinh xã hội, hướng tới bao phủ toàn dân. Theo số liệu của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, đến cuối năm 2025 có khoảng 21,34 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, chiếm 45,04% lực lượng lao động, trong đó bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 3,17 triệu người. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 đã tạo bước đột phá trong mở rộng thụ hưởng an sinh hưu trí, dự kiến nâng tỷ lệ bao phủ hưu trí lên khoảng 50%. Chính sách bảo hiểm thất nghiệp tiếp tục phát huy vai trò “lưới đệm an sinh” thị trường lao động, với khoảng 35% lực lượng lao động tham gia. Bảo hiểm y tế toàn dân đạt kết quả nổi bật với khoảng 97,42 triệu người tham gia, chiếm 95,16% dân số.

Hệ thống bảo hiểm xã hội chuyển mạnh từ bảo đảm sang phát triển, vừa bảo vệ người dân trước rủi ro, vừa tạo nền tảng an sinh bền vững cho ổn định, phát triển đất nước. Chính sách bảo trợ xã hội đã bao phủ khoảng 20% dân số với khoảng 4,5 triệu người hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên và hưu trí xã hội. Trợ giúp xã hội khẩn cấp được tổ chức kịp thời. Từ năm 2021 đến nay, Nhà nước đã hỗ trợ 237.778,5 tấn gạo, cứu trợ cho gần 3,9 triệu hộ dân. Hàng nghìn tỷ đồng đã được huy động để hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa. Chính sách đối với người cao tuổi và người khuyết tật tiếp tục được mở rộng, với 95% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, khoảng 2 triệu người cao tuổi và 1,71 triệu người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng đang hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng.

- Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ xã hội, hướng tới nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân

Chất lượng các dịch vụ xã hội ngày càng được nâng cao, gắn kết chặt chẽ hơn với phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội. Theo báo cáo của Bộ Nội vụ, trong lĩnh vực giáo dục, Chính phủ duy trì tỷ lệ chi ngân sách tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước, bảo đảm giáo dục bắt buộc, phổ cập và miễn học phí cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi, đồng thời ưu tiên đầu tư cho vùng

đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới và hải đảo. Kiên cố hóa trường, lớp học được đẩy mạnh, hướng tới mục tiêu đến năm 2030 xóa bỏ hoàn toàn phòng học tạm. Lĩnh vực y tế được củng cố theo hướng công bằng và chất lượng với hơn 88% phụ nữ mang thai được khám thai ít nhất 4 lần trong thời kỳ thai nghén, khoảng 96% ca sinh có cán bộ y tế được đào tạo trực tiếp đỡ đẻ. 42,5% người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ. 51,61% phụ nữ mang thai và 47,01% trẻ sơ sinh được sàng lọc bệnh, tỷ số giới tính khi sinh giảm còn 111,3 bé trai/100 bé gái, tiệm cận mục tiêu đề ra. Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa đã góp phần bảo tồn di sản, nâng cao mức thụ hưởng văn hóa và gắn kết với phát triển du lịch cộng đồng, đồng thời củng cố đời sống tinh thần người dân nông thôn. Quyền tiếp cận thông tin của người dân được chú trọng với sóng băng rộng di động bao phủ 99,6% thôn, bản. Cấp quang đạt 96,36% và 96% xã có đài truyền thanh, trong đó 41,4% ứng dụng công nghệ số, tạo nền tảng thu hẹp khoảng cách số. Đến nay đã có 68% hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn, cùng với việc triển khai chương trình cấp nước an toàn và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chính sách ưu đãi người có công đóng vai trò trụ cột trong hệ thống an sinh xã hội

Chính sách ưu đãi người có công với cách mạng là minh chứng cho trách nhiệm chính trị và sự tri ân sâu sắc của Đảng, Nhà nước đối với những hy sinh, cống hiến vì độc lập, tự do của Tổ quốc của hàng triệu gia đình Việt Nam. Chủ trương, chính sách, như cấp thẻ bảo hiểm y tế 100%, hỗ trợ nhà ở, khám, chữa bệnh miễn phí, đào tạo nghề, vay vốn ưu đãi, tạo việc làm, chăm lo cho con em người có công đã thể hiện trách nhiệm và đạo lý sâu sắc đối với những lớp người đã đóng góp, hy sinh xương máu vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Nghị định số 77/2024/NĐ-CP ngày 1/7/2024 điều chỉnh mức chuẩn trợ cấp ưu đãi từ 2,055 triệu đồng lên 2,789 triệu đồng (tăng 35,7%, mức cao nhất trong nhiều thập niên), cùng với việc tổ chức thực hiện chính sách đầy đủ, kịp thời, công khai, minh bạch đã nâng cao rõ rệt đời sống của người có công, không còn hộ người có công thuộc diện hộ nghèo. Chính sách ưu đãi người có công tiếp tục khẳng định vai trò trụ cột trong hệ thống chính sách xã hội, góp

phần củng cố niềm tin của nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tạo nền tảng xã hội vững chắc cho phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, chính sách an sinh xã hội hiện nay vẫn còn đứng trước nhiều thách thức lớn, đòi hỏi tiếp tục đổi mới mạnh mẽ để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Đó là chênh lệch giàu nghèo và khoảng cách phát triển giữa các vùng, nhất là vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác giảm nghèo ở một số địa bàn chưa bền vững. Một bộ phận người dân chưa có khả năng tự bảo đảm an sinh lâu dài. Ở một số địa phương, việc tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội còn phân tán, thiếu đồng bộ. Chất lượng cung ứng dịch vụ xã hội cơ bản chưa theo kịp nhu cầu thực tiễn. Thực tế này cho thấy yêu cầu cấp thiết tiếp tục hoàn thiện căn bản chính sách an sinh xã hội, hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả quản trị và huy động nguồn lực, nhằm đáp ứng yêu cầu tăng trưởng và phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

4. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách an sinh xã hội của Việt Nam hướng tới sự phát triển bền vững

Việt Nam đang vững bước tiến vào kỷ nguyên phát triển nhanh, bền vững, phồn vinh và hạnh phúc. Mục tiêu phát triển cao nhất mà Đảng và Nhà nước kiên định theo đuổi là vì hạnh phúc của nhân dân, xây dựng một xã hội ổn định, tiến bộ, công bằng, nơi mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả của đổi mới và phát triển. Việc hoàn thiện chính sách an sinh xã hội không chỉ là nhiệm vụ trước mắt, mà còn là chiến lược lâu dài, gắn với mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, sự tham gia chủ động của xã hội và sự đồng thuận của nhân dân. Trong giai đoạn tới, cần tập trung vào các giải pháp sau:

- Thứ nhất, hoàn thiện thể chế và đổi mới quản lý nhà nước về chính sách an sinh xã hội. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách xã hội theo hướng đồng bộ, nhất quán và linh hoạt, làm nền tảng xây dựng hệ thống chính sách đa tầng, bao trùm và bền vững. Trọng tâm là hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ giúp xã hội, người cao tuổi, giảm nghèo và nhà ở xã hội. Trong đó, phát

triển hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng, mở rộng diện bao phủ, bảo đảm cân đối dài hạn của quỹ an sinh. Đổi mới quản lý nhà nước theo hướng kiến tạo, hiện đại. Đẩy mạnh chuyển đổi số, minh bạch hóa dữ liệu, nâng cao chất lượng dự báo chính sách gắn với quy hoạch dân số và thị trường lao động. Chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác an sinh xã hội, gắn cải cách thủ tục hành chính với nâng cao chất lượng dịch vụ công phục vụ người dân.

- *Thứ hai*, mở rộng bao phủ an sinh xã hội theo hướng toàn dân, bao trùm và bền vững. Đẩy mạnh thực hiện mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân, trước mắt tập trung mở rộng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo đảm tiếp cận an sinh cho lao động khu vực phi chính thức và nhóm yếu thế. Nâng cao hiệu quả trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu, có lộ trình rõ ràng, ưu tiên người nghèo, người cao tuổi không có lương hưu, người khuyết tật và nhóm dễ bị tổn thương. Thực hiện nhất quán chủ trương “không để ai bị bỏ lại phía sau”, thu hẹp khoảng cách tiếp cận dịch vụ xã hội giữa vùng, miền, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Bảo đảm đầu tư hài hòa cho cả tăng trưởng kinh tế và chính sách xã hội, hướng đến mục tiêu trở thành nước thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và bao phủ an sinh xã hội toàn dân.

- *Thứ ba*, phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm bền vững. Xác định đầu tư cho con người là đầu tư cho phát triển bền vững. Ưu tiên phát triển giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp và y tế. Gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động, đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỹ năng chuyển đổi nghề,

nhất là cho lao động nông thôn, phụ nữ và thanh niên. Phát triển thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, khuyến khích tạo việc làm bền vững gắn với tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn. Tận dụng nền tảng số, công cụ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn tạo sức bật nhanh chóng trong môi trường làm việc số hóa hiện nay, vừa nâng cao hiệu quả công việc, vừa tăng lợi thế cạnh tranh lâu dài trong kỷ nguyên số.

- *Thứ tư*, đẩy mạnh chuyển đổi số và hiện đại hóa cung ứng dịch vụ xã hội. Phát triển và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và an sinh xã hội. Tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các ngành để nâng cao hiệu quả quản lý và hạn chế trùng lặp chính sách. Mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực bảo hiểm, trợ giúp xã hội, y tế, giáo dục. Từng bước xây dựng hệ thống dịch vụ xã hội thông minh, lấy người dân làm trung tâm, nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận.

- *Thứ năm*, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho chính sách xã hội. Bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước trong an sinh xã hội, ưu tiên cho giáo dục, y tế, trợ giúp xã hội và chăm sóc nhóm yếu thế. Đồng thời, khuyến khích xã hội hóa, huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, cộng đồng và hợp tác quốc tế; sử dụng nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, gắn với nâng cao năng lực hệ thống và hiệu quả đầu tư, tránh dàn trải, chồng chéo. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức của người dân về quyền và trách nhiệm trong thụ hưởng chính sách xã hội, qua đó tăng cường trách nhiệm giải trình và hiệu quả thực thi ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Ban chấp hành Trung ương (2012). Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 10/6/2012 của Hội nghị Trung ương 5 khóa XI “Về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020”.

Ban chấp hành Trung ương (2023). Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị Trung ương 8 khóa 13 “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam (2023). Báo cáo kết quả công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp giai đoạn 2023-2025.

Bộ Nội vụ (2023). Báo cáo tổng hợp thực hiện chính sách an sinh xã hội, ưu đãi người có công giai đoạn 2023-2025.

Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2021). Nghị định số 77/2024/NĐ-CP ngày 1/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2024). Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 Quốc hội khóa 15 phê duyệt ngày 29/6/2024.

Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2024). Luật Bảo hiểm y tế số 51/2024/QH15 Quốc hội khóa 15 phê duyệt ngày 27/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

Ngày nhận bài: 10/3/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 24/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 12/4/2026

ADVANCING VIETNAM'S SOCIAL SECURITY POLICIES FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT

● **VU THI NHAI**

Academy of Policy and Development

ABSTRACT:

Social security policy has consistently been a central priority of the Vietnamese Party and State, serving as a cornerstone for advancing social justice and ensuring economic and political stability. In recent years, notable progress has been achieved in the development of the social security system, the quality and accessibility of social services, and the implementation of policies for individuals who have rendered meritorious service to the nation. This study reviews these advancements and assesses the current performance of Vietnam's social security framework in the context of evolving development demands. The findings underscore the continuing importance of strengthening social security policies to align with national sustainable development goals and to support inclusive and resilient growth in the coming period.

Keywords: social security policy, sustainable development.